

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều tra giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp
và thủy sản năm gốc 2020

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1793/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định tiến hành điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TCTK ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2021 của Tổng cục Thống kê;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Phương án điều tra giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản năm gốc 2020 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phương án điều tra giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản năm gốc 2020 được áp dụng từ tháng 7 năm 2021 và thay thế cho Phương án điều tra giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản thời kỳ 2015-2020 ban hành theo Quyết định số 71/QĐ-TCTK, ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá, Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, TKG.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

PHƯƠNG ÁN

Điều tra giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản năm gốc 2020

*(Ban hành theo Quyết định số 1354/QĐ-TCTK ngày 26 tháng 8 năm 2020
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích

Điều tra giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản dùng để biên soạn chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là chỉ số giá sản xuất NLTS) - chỉ tiêu thống kê trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, được Tổng cục Thống kê tổng hợp và công bố hàng quý nhằm phục vụ một số mục đích chủ yếu sau:

- Đảm bảo thông tin về giá và chỉ số giá sản xuất NLTS cung cấp cho Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương trong công tác quản lý điều hành, phân tích kinh tế, xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Đáp ứng nhu cầu thông tin về biến động giá sản phẩm NLTS giúp các nhà sản xuất kinh doanh phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tính toán hiệu quả kinh tế, ký kết hợp đồng sản xuất kinh doanh;

- Cung cấp chỉ số giá sản xuất NLTS hàng quý; 6 tháng; 9 tháng và năm so với năm gốc 2020; so với cùng kỳ năm trước; so với kỳ trước và được phân tổ theo cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; vùng kinh tế và cả nước theo biểu mẫu quy định (*Biểu số 1.4/ĐRCSGTinh_Quy; Biểu số 2.2/ĐRCSGVung_Quy; Biểu số 3.2/ĐRCSGCanuoc_Quy* tại Phụ lục I), để Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là Cục Thống kê) sử dụng tính toán một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.

2. Yêu cầu

Điều tra giá sản xuất NLTS phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu giữ thông tin điều tra phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra giá sản xuất NLTS năm gốc 2020;

- Bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng đơn vị điều tra, các thông tin quy định trong Phương án điều tra;

- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê;

- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ, PHẠM VI ĐIỀU TRA

1. Đối tượng điều tra

Các sản phẩm vật chất và dịch vụ nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản được người sản xuất bán ra thuộc danh mục sản phẩm đại diện cả nước tính chỉ số giá sản xuất NLTS quy định tại *Phụ lục II*.

2. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là hộ, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có hoạt động trực tiếp sản xuất và bán sản phẩm NLTS, có địa điểm sản xuất kinh doanh ổn định và thuộc các loại hình kinh tế.

Đơn vị điều tra của từng loại sản phẩm được quy định cụ thể dưới đây:

(1) *Đối với sản phẩm cây hàng năm, cây lâu năm và sản phẩm chăn nuôi:* Đơn vị điều tra là hộ, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có hoạt động sản xuất và bán sản phẩm cây hàng năm, cây lâu năm và sản phẩm chăn nuôi;

(2) *Đối với sản phẩm dịch vụ nông nghiệp:* Đơn vị điều tra là hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, trạm thủy nông, tổ chức hoặc hộ chuyên kinh doanh từng loại dịch vụ nông nghiệp, như: tưới nước, gieo trồng, làm đất...

(3) *Đối với sản phẩm lâm nghiệp:* Đơn vị điều tra là lâm trường, hợp tác xã lâm nghiệp hoặc hộ lâm nghiệp ...

(4) *Đối với sản phẩm thủy sản:* Đơn vị điều tra là hộ ngư dân, cơ sở trực tiếp khai thác, nuôi trồng thủy sản với quy mô lớn, tập trung. Do tính chất đặc thù, người khai thác thủy sản trực tiếp bán ngay tại cảng cá, bến cá nên đơn vị điều tra còn bao gồm các “bến cá”, “cảng cá”, “chợ cá”...

3. Phạm vi điều tra

Cuộc điều tra giá sản xuất NLTS được chọn mẫu thực hiện ở tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là tỉnh, thành phố). Phạm vi điều tra giá sản xuất NLTS đảm bảo đại diện để tính chỉ số giá sản xuất NLTS cấp tỉnh, vùng và cả nước.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

Điều tra giá sản xuất NLTS là cuộc điều tra chọn mẫu các sản phẩm NLTS đại diện tại 63 tỉnh, thành phố. Danh sách các tỉnh, thành phố phân tổ theo các vùng quy định tại *Phụ lục III*.

Điều tra giá sản xuất NLTS thực hiện công việc chủ yếu sau:

a) Xây dựng danh mục sản phẩm NLTS đại diện

Danh mục sản phẩm đại diện dùng trong điều tra giá sản xuất NLTS kèm theo Phương án được cập nhật hàng năm.

Về quy trình, xây dựng danh mục sản phẩm đại diện của cả nước sau đó xây dựng danh mục sản phẩm đại diện cho tỉnh, thành phố.

- Nguyên tắc và căn cứ chọn các sản phẩm NLTS vào danh mục sản phẩm đại diện cả nước (*Phụ lục II*):

+ Trên cơ sở danh mục sản phẩm NLTS thời kỳ 2015-2020, Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam năm 2018 và kết quả điều tra ngành NLTS năm 2019 của từng tỉnh, thành phố, Tổng cục Thống kê xây dựng Dự thảo Danh mục sản phẩm đại diện cả nước tính chỉ số giá sản xuất NLTS năm gốc 2020. Sau đó gửi Cục Thống kê tỉnh, thành phố rà soát, bổ sung và chốt Danh mục sản phẩm đại diện cả nước tính chỉ số giá sản xuất NLTS năm gốc 2020 chi tiết tại *Phụ lục II*.

+ Danh mục sản phẩm đại diện cả nước tính chỉ số giá sản xuất NLTS năm gốc 2020 (*Phụ lục II*) gồm 835 sản phẩm, được tổng hợp từ danh mục sản phẩm NLTS của 63 tỉnh, thành phố và được sắp xếp, phân tổ theo Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam năm 2018.

- Cục Thống kê tỉnh, thành phố xây dựng danh mục sản phẩm điều tra giá sản xuất NLTS cho tỉnh, thành phố căn cứ vào *Phụ lục II*. Các sản phẩm NLTS được chọn đưa vào danh mục sản phẩm đại diện cho tỉnh, thành phố đảm bảo các yêu cầu sau: chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất/sản lượng; các sản phẩm được chọn phải đang được sản xuất và bán trên thị trường, có khả năng tồn tại lâu dài; đảm bảo tính đại diện cho tỉnh, thành phố; đồng thời các sản phẩm NLTS phải được mô tả chi tiết quy cách, phẩm cấp cụ thể để việc thu thập giá đúng yêu cầu qua các kỳ điều tra.

b) Xây dựng mạng lưới điều tra giá sản xuất NLTS

Cục Thống kê căn cứ danh mục sản phẩm NLTS đại diện cho tỉnh, thành phố, thực hiện rà soát, cập nhật dần mẫu điều tra giá sản xuất NLTS và xây dựng mạng lưới điều tra giá sản xuất NLTS năm gốc 2020 tại địa phương, cụ thể:

- Xác định đơn vị điều tra là hộ, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có hoạt động trực tiếp sản xuất và bán các sản phẩm NLTS.

- Đơn vị điều tra đảm bảo các yêu cầu, như sau:

+ Đơn vị điều tra có hoạt động trực tiếp sản xuất và bán các sản phẩm trong danh mục sản phẩm NLTS đại diện cho địa phương;

+ Đơn vị điều tra có địa điểm sản xuất kinh doanh ổn định, lâu dài thuộc các loại hình kinh tế.

Tùy đặc thù từng loại sản phẩm NLTS trong danh mục sản phẩm đại diện cho tỉnh, thành phố: một đơn vị điều tra có thể điều tra giá của một hoặc nhiều loại sản phẩm NLTS; một sản phẩm NLTS điều tra từ 3 đơn vị điều tra giá trở lên.

Sau khi rà soát các đơn vị điều tra cùng với danh mục sản phẩm đại diện cho tỉnh, thành phố, Cục Thống kê tổng hợp mạng lưới điều tra giá sản xuất NLTS của tỉnh, thành phố. Mạng lưới điều tra được lưu trong phần mềm giám sát giá sản xuất NLTS để Cục Thống kê theo dõi, quản lý, cập nhật trong quá trình thực hiện Phương án điều tra. Mạng lưới điều tra của tỉnh, thành phố gửi về Tổng cục Thống kê theo quy định (*Biểu số 4/TKG-MLNLTS tại Phụ lục I*).

Lưu ý: Trong quá trình triển khai thực hiện, Cục Thống kê thường xuyên nắm tình hình biến động của các đơn vị điều tra, như: chuyển địa điểm, đóng cửa, chuyển sản phẩm sản xuất,... để điều chỉnh, bổ sung và thay thế kịp thời.

c) Lập bảng giá năm gốc 2020

Sau khi xây dựng danh mục sản phẩm đại diện cho tỉnh, thành phố, Cục Thống kê tiến hành lập bảng giá năm gốc 2020 theo các bước sau:

- Đối chiếu danh mục sản phẩm NLTS mới với danh mục sản phẩm NLTS đang điều tra của tỉnh, thành phố để xác định những sản phẩm NLTS mới (kể cả những sản phẩm cũ có thay đổi mẫu mã, quy cách phẩm cấp);

- Tiến hành thu thập giá từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 của những sản phẩm NLTS mới (thực hiện theo Công văn số 1064/TCTK-TKG, ngày 27/9/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc khảo sát danh mục sản phẩm điều tra giá sản xuất thời kỳ 2020-2025);

- Bảng giá năm gốc 2020 gồm giá bình quân sản phẩm mới thu thập và giá bình quân các sản phẩm trong danh mục điều tra giá sản xuất NLTS hiện hành;

- Cục Thống kê lập bảng giá năm gốc 2020 của mỗi sản phẩm NLTS (*Biểu số 5/TKG-GGNLTS tại Phụ lục I*) và được tính bằng phương pháp bình quân nhân giản đơn giá của 12 tháng (từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020).

IV. THỜI ĐIỂM ĐIỀU TRA VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm điều tra giá sản xuất NLTS vào ngày 07 hàng tháng.

Trong thực tế có thể có những đơn vị điều tra giá sản xuất NLTS không bán sản phẩm NLTS đúng ngày điều tra, khi đó có thể lấy giá của ngày gần nhất trước hoặc sau ngày 07 của tháng điều tra (không muộn hơn ngày 10 hàng tháng).

2. Phương pháp điều tra

Cuộc điều tra giá sản xuất NLTS sử dụng phương pháp điều tra trực tiếp. Điều tra viên ở các tỉnh, thành phố trực tiếp đến các đơn vị điều tra thu thập giá. Giá sản xuất NLTS được điều tra trên thiết bị điện tử thông minh như: máy tính bảng và điện thoại di động. Mỗi điều tra viên được cấp một tài khoản riêng truy cập vào phần mềm điều tra trên thiết bị điện tử thông minh để tải danh mục sản phẩm, mạng lưới điều tra.

Khi tiến hành điều tra giá sản xuất NLTS, điều tra viên thực hiện nghiêm túc những quy định sau đây:

- Điều tra thu thập giá đúng thời gian quy định, đúng đơn vị điều tra, đúng sản phẩm quy định;
- Kiểm tra kỹ, phát hiện những thay đổi về mẫu mã, chất lượng sản phẩm, trọng lượng đóng gói, quy cách phẩm cấp.

Cục Thống kê thường xuyên kiểm tra, phúc tra, giám sát công việc điều tra thực tế của điều tra viên.

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Thông tin chung của đơn vị điều tra: Tên đơn vị điều tra, địa chỉ, điện thoại, fax, email của đơn vị điều tra.

Thông tin về giá của cuộc điều tra gồm: Tên sản phẩm, quy cách, phẩm cấp, nhãn mác cụ thể của từng sản phẩm NLTS; đơn vị tính giá; đơn giá sản phẩm điều tra.

2. Phiếu điều tra

Phiếu điều tra giá sản xuất sản phẩm NLTS đại diện để tính chỉ số giá sản xuất NLTS được thu thập trên thiết bị điện tử thông minh, như: máy tính bảng, điện thoại di động,... Thông tin phiếu điều tra gồm: số lượng sản phẩm NLTS cần điều tra tại đơn vị điều tra; nhận dạng sản phẩm NLTS; đơn giá của từng sản phẩm NLTS và thông tin liên quan khác (Mẫu phiếu điều tra *Phiếu số 1/PĐT-GNLTS* tại *Phụ lục I*).

VI. CÁC BẢNG DANH MỤC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và tiếp tục được cập nhật đến thời điểm điều tra (nếu có thay đổi);

2. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ và tiếp tục được cập nhật đến thời điểm điều tra (nếu có thay đổi);

3. Danh mục các đơn vị hành chính ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật tổng số danh mục hành chính đến ngày 31/3/2020 theo Công văn số 458/TCTK-PPCĐ ngày 06/4/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và tiếp tục được cập nhật đến thời điểm điều tra (nếu có thay đổi);

4. Danh mục sản phẩm đại diện để tính chỉ số giá sản xuất NLTS năm gốc 2020, theo cấu trúc chỉ số giá sản xuất NLTS (*Phụ lục II*) và tiếp tục được cập nhật đến thời điểm điều tra (nếu có thay đổi);

5. Cấu trúc chỉ số giá sản xuất NLTS phân tổ theo Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam năm 2018 (*Phụ lục VI*).

VII. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN, BIỂU ĐÀU RA VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

1. Phương pháp xử lý thông tin

a) Xây dựng quyền số giá sản xuất NLTS

Quyền số tính chỉ số giá sản xuất NLTS là tỷ trọng giá trị sản xuất của từng nhóm sản phẩm NLTS trong tổng giá trị sản xuất của toàn ngành NLTS. Quyền số tính chỉ số giá sản xuất NLTS cả nước là tỷ trọng giá trị sản xuất của từng vùng so với tổng giá trị sản xuất của cả nước theo từng nhóm sản phẩm. Quyền số tính chỉ số giá sản xuất NLTS cấp vùng là tỷ trọng giá trị sản xuất của từng tỉnh, thành phố so với tổng giá trị sản xuất của vùng theo từng nhóm hàng. Quyền số tính chỉ số giá sản xuất NLTS từng tỉnh, thành phố là tỷ trọng giá trị sản xuất của từng nhóm sản phẩm so với tổng giá trị sản xuất của tỉnh, thành phố.

Quyền số tính chỉ số giá sản xuất NLTS có hai loại:

- Quyền số dọc là tỷ trọng giá trị sản xuất của từng nhóm sản phẩm so với tổng giá trị sản xuất của toàn ngành NLTS. Quyền số dọc được tính cho các tỉnh, vùng kinh tế và cả nước.

- Quyền số ngang là tỷ trọng giá trị sản xuất NLTS từng nhóm sản phẩm của từng tỉnh, thành phố so với cả vùng hoặc của từng vùng so với cả nước.

Quyền số tính chỉ số giá sản xuất NLTS theo năm gốc 2020, được tính từ giá trị sản xuất NLTS do Vụ Thống kê NLTS cung cấp.

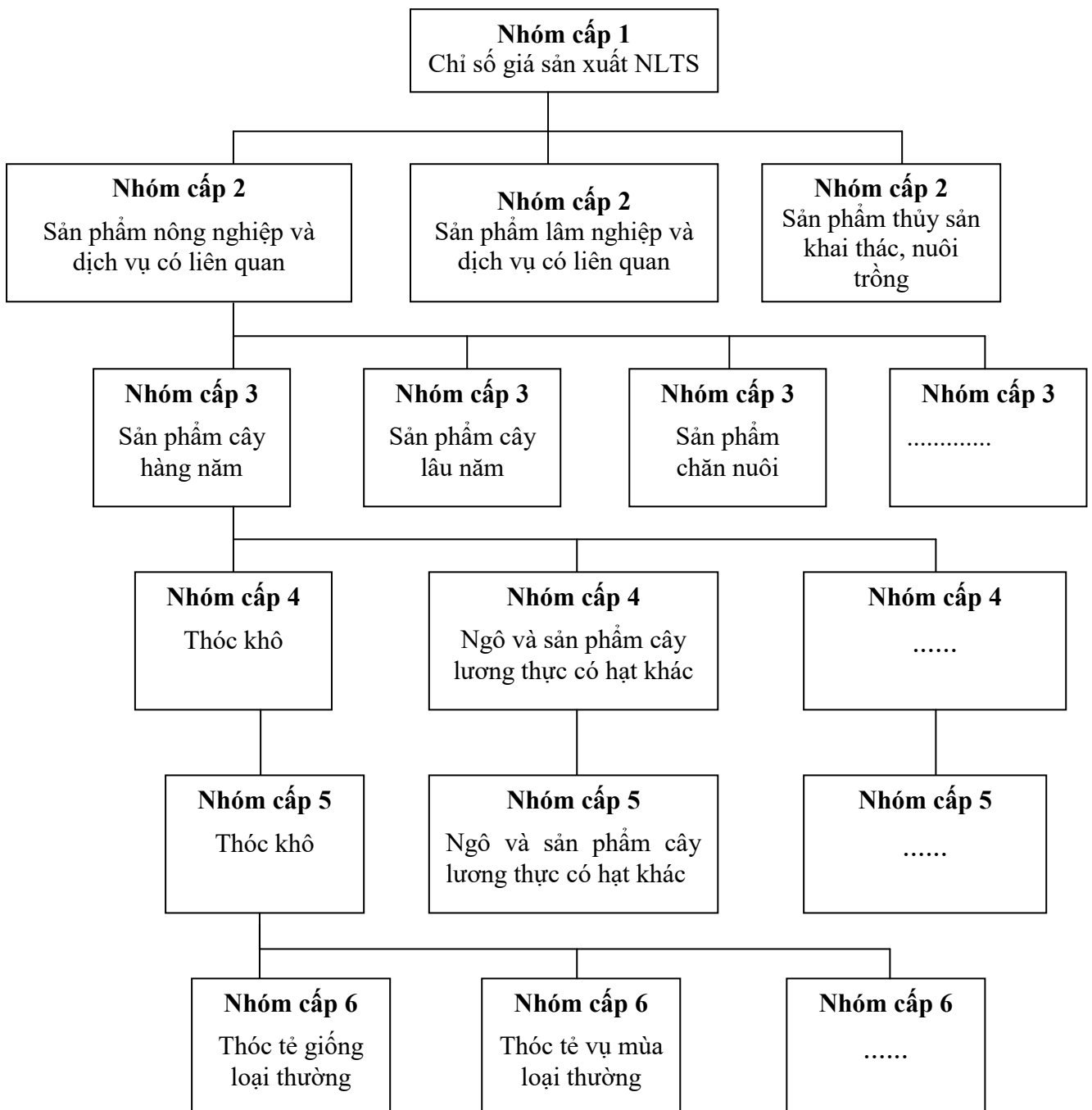
Từ năm 2023 trở đi quyền số tính chỉ số giá sản xuất NLTS được cập nhật hàng năm từ giá trị sản xuất ngành NLTS của 02 năm trước, độ trễ thời gian là hai năm ($y - 2$). Các nhóm của quyền số được phân chia thống nhất với cấu trúc của chỉ số giá sản xuất NLTS, gồm: 01 nhóm cấp 1 (chỉ số giá chung); 03 nhóm cấp 2; 11 nhóm cấp 3; 37 nhóm cấp 4 và 59 nhóm cấp 5, chi tiết tại *Phụ lục VI*.

Quyền số tính chỉ số giá sản xuất NLTS được Tổng cục Thống kê tính cho từng tỉnh, thành phố; 6 vùng kinh tế và cả nước.

b) Xây dựng cấu trúc chỉ số giá sản xuất NLTS

Để đảm bảo tính liên tục của chuỗi chỉ số giá sản xuất NLTS qua thời gian và phù hợp với cơ cấu sản xuất của ngành NLTS trong thời kỳ mới, chỉ số giá sản xuất NLTS theo năm gốc 2020, gồm: Nhóm cấp 1 có 1 nhóm; nhóm cấp 2 có 3 nhóm; nhóm cấp 3 có 11 nhóm; nhóm cấp 4 có 37 nhóm; nhóm cấp 5 có 59 nhóm và nhóm cấp 6 có 31 nhóm, chi tiết tại *Phụ lục VI*. Sơ đồ cấu trúc chỉ số giá sản xuất NLTS theo năm gốc 2020 cụ thể như sau:

Sơ đồ cấu trúc chỉ số giá sản xuất NLTS năm gốc 2020



c) Công thức áp dụng tính chỉ số giá sản xuất NLTS

Áp dụng công thức Laspeyres được sử dụng trong tính toán chỉ số giá sản xuất NLTS, cụ thể công thức tính như sau:

$$I^{t \rightarrow 0} = \frac{\sum_{i=1}^n p_i^t q_i^0}{\sum_{i=1}^n p_i^0 q_i^0} = \sum_{i=1}^n W_i^0 * \left(\frac{p_i^t}{p_i^0} \right) \quad (1)$$

Trong đó:

$I^{t \rightarrow 0}$: Chỉ số giá sản xuất NLTS năm báo cáo (t) so với năm gốc (0);

p_i^t : Giá sản phẩm i năm báo cáo (t);

p_i^0 : Giá sản phẩm i năm gốc (0);

n : Số lượng sản phẩm;

$w_i^0 = \frac{p_i^0 q_i^0}{\sum_{i=1}^n p_i^0 q_i^0}$: Quyền số năm gốc (0).

d) Công thức nối chuỗi

Từ tháng 01 năm 2023 trở đi danh mục sản phẩm NLTS và quyền số tính chỉ số giá sản xuất NLTS được cập nhật hàng năm từ giá trị sản xuất NLTS của 02 năm trước đó, độ trễ 2 năm (y - 2), công thức tính chỉ số giá sản xuất NLTS áp dụng theo công thức Chained Laspeyres:

$$I_j^{t(y) \rightarrow 0} = (I_j^{t(y) \rightarrow Dec(y-1)} \times I_j^{Dec(y-1) \rightarrow 0}) / 100 \quad (2)$$

Trong đó:

$I_j^{t(y) \rightarrow 0}$: Chỉ số giá nhóm sản phẩm j tháng báo cáo (t) năm y, so với năm gốc (0);

$I_j^{Dec(y-1) \rightarrow 0}$: Chỉ số giá nhóm sản phẩm j tháng 12 năm trước (y - 1), so với năm gốc (0), (được coi là tháng nối chuỗi);

$I_j^{t(y) \rightarrow Dec(y-1)}$: Chỉ số giá nhóm sản phẩm j tháng báo cáo (t) năm (y), so với tháng 12 năm trước (y - 1).

đ) Kiểm tra, xử lý dữ liệu điều tra

Sau khi nhận dữ liệu điều tra được gửi trực tuyến từ thiết bị điện tử thông minh, Cục Thống kê kiểm tra kỹ trong phần mềm giám sát giá sản xuất NLTS những nội dung sau:

- Giá thu thập được là giá bán của người sản xuất sản phẩm NLTS (không bao gồm thuế giá trị gia tăng - VAT; phí lưu thông thương mại; cước vận tải) cộng (+) Trợ cấp sản phẩm (nếu có);

- Đơn vị tính giá của các sản phẩm NLTS phải đúng với quy định của danh mục sản phẩm NLTS đại diện cả nước;

- Kiểm tra kỹ số liệu tháng báo cáo so với kỳ trước theo từng sản phẩm, theo từng đơn vị điều tra, các ghi chú do các điều tra viên gửi về, kiểm tra số lượng mẫu giá giữa các tháng điều tra trước khi tính chỉ số giá;

- Kiểm tra số lượng sản phẩm NLTS gán giá, sản phẩm thay thế trong kỳ;

- Duyệt báo cáo đối với các phiếu điều tra đúng theo quy định.

Hàng năm, phần mềm điều tra bằng thiết bị thông minh và phần mềm giám sát điều tra giá sản xuất NLTS được rà soát, cập nhật theo đúng quy định. Phương pháp xử lý một số trường hợp đặc biệt xảy ra trong điều tra và quy trình tổng hợp được quy định chi tiết tại *Phụ lục V*.

2. Biểu đầu ra

a) Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Sau khi kiểm tra kỹ số liệu “Mức giá các sản phẩm NLTS”, Cục Thống kê tổng hợp chỉ số giá sản xuất NLTS của tháng, quý, năm báo cáo bằng chương trình phần mềm giám sát do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Các biểu đầu ra hàng tháng, quý; 6 tháng; 9 tháng và năm của tỉnh, thành phố bao gồm:

- Biểu số 1.1/TGGTinh_Thang: Giá sản xuất NLTS tháng;

- Biểu số 1.2/TGGTinh_Quy: Giá sản xuất NLTS quý;

- Biểu số 1.3/TGCSGTinh_Thang: Chỉ số giá sản xuất NLTS tháng;

- Biểu số 1.4/ĐRCSGTinh_Quy: Chỉ số giá sản xuất NLTS quý; 6 tháng; 9 tháng và năm.

(Chi tiết biểu đầu ra cấp tỉnh, thành phố tại Phụ lục I).

Thời gian gửi báo cáo Giá sản xuất NLTS và Chỉ số giá sản xuất NLTS về Tổng cục Thống kê được quy định như sau:

- Báo cáo giá và chỉ số giá hàng tháng gửi ngày 10 tháng báo cáo qua đường truyền mạng của Tổng cục theo mẫu biểu quy định.

- Báo cáo phân tích tình hình biến động quý; 6 tháng; 9 tháng và năm giá sản xuất NLTS gửi qua đường truyền mạng của Tổng cục vào ngày 10 tháng cuối quý của quý báo cáo.

b) Cấp Trung ương

Sau khi nhận được báo cáo giá và chỉ số giá sản xuất NLTS của 63 tỉnh, thành phố, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê phối

hợp Vụ Thống kê Giá kiểm tra số liệu của từng tỉnh, thành phố và Vụ Thống kê Giá tổng hợp chỉ số giá sản xuất NLTS của các vùng và cả nước theo biểu mẫu quy định (*Phụ lục I*).

c) Công bố chỉ số giá sản xuất NLTS

Chỉ số giá sản xuất NLTS cả nước; vùng kinh tế; các tỉnh, thành phố theo năm gốc 2020 được công bố:

- Theo ngành sản phẩm, gồm: Chỉ số giá chung, chỉ số giá 3 nhóm cấp 2; 11 nhóm cấp 3; 37 nhóm cấp 4.

- Theo thời gian, gồm: Chỉ số giá quý, 6 tháng, 9 tháng và năm theo các gốc so sánh: năm gốc 2020, cùng kỳ năm trước và quý trước.

Chỉ số giá sản xuất NLTS vùng, cả nước được công bố hàng quý (vào ngày 29 của tháng cuối quý theo Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê).

Chỉ số giá sản xuất NLTS được công bố trên trang thông tin điện tử (Web) của Tổng cục Thống kê, Tạp chí Con số và Sự kiện, Chỉ số giá hôm nay; gửi đến Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức quốc tế khi có yêu cầu cung cấp thông tin.

VIII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Cấp Trung ương

a) Biên soạn Phương án điều tra

Biên soạn Phương án điều tra giá sản xuất NLTS năm gốc 2020; xây dựng phần mềm điều tra, tổng hợp báo cáo giá và chỉ số giá cấp tỉnh, vùng và cả nước; Tổng hợp biên soạn quyền số 63 tỉnh, thành phố; vùng kinh tế và cả nước từ số liệu giá trị sản xuất ngành NLTS năm 2019, được cập nhật theo chỉ số giá sản xuất NLTS năm 2020 thực hiện trước tháng 7 năm 2021.

b) Rà soát và cập nhật quyền số hàng năm

Từ năm 2023, hàng năm Vụ Thống kê Giá cập nhật quyền số theo giá trị sản xuất ngành NLTS với độ trễ thời gian là 2 năm ($y - 2$).

c) Rà soát cập nhật danh mục sản phẩm và đơn vị điều tra hàng năm

Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Giá cập nhật dần mẫu đơn vị điều tra giá sản xuất NLTS của 63 tỉnh, thành phố dựa trên kết quả điều tra ngành NLTS năm ($y-2$) và gửi Cục Thống kê tỉnh, thành phố rà soát, hoàn thiện mạng lưới điều tra giá sản xuất NLTS của tỉnh, thành phố.

d) Hướng dẫn nghiệp vụ

Trước tháng 3 năm 2021, Vụ Thống kê Giá xây dựng các tài liệu hướng dẫn; biên soạn bài giảng điện tử hướng dẫn dùng cho điều tra viên, giám sát viên;

tập huấn nghiệp vụ về phương pháp thu thập giá tại địa bàn điều tra, phương pháp tính chỉ số giá sản xuất NLTS năm gốc 2020 và hướng dẫn sử dụng phần mềm điều tra (*Phụ lục IV*), tổng hợp báo cáo giá và chỉ số giá sản xuất NLTS hàng tháng, quý; 6 tháng; 9 tháng và năm.

e) Triển khai thu thập thông tin và tính chỉ số giá sản xuất NLTS

- Quý II (tháng 4, 5, 6) năm 2021 điều tra thử nghiệm giá sản xuất NLTS theo năm gốc 2020 bằng thiết bị điện tử thông minh tại 63 tỉnh, thành phố và điều tra song song với điều tra giá sản xuất NLTS giai đoạn 2015-2020;

- Quý III (từ tháng 7) năm 2021 chính thức điều tra CAPI và quý III năm 2021 làm quý nối chuỗi giữa hai thời kỳ (2015-2020) và theo năm gốc 2020;

- Từ quý III (tháng 7) năm 2021, Vụ Thống kê Giá tiếp nhận báo cáo, tổng hợp chỉ số giá sản xuất NLTS hàng quý theo năm gốc 2020;

- Quý IV năm 2021 công bố chỉ số giá sản xuất NLTS năm gốc 2020.

2. Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Công tác chuẩn bị

Cục Thống kê thực hiện các công việc sau:

- *Năm 2019, 2020*: Thuê điều tra viên rà soát dàn mẫu điều tra giá sản xuất NLTS; xây dựng danh mục sản phẩm NLTS đại diện và mạng lưới điều tra giá sản xuất NLTS tỉnh, thành phố; Cục Thống kê tổng hợp giá gốc năm 2020 từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020.

- *Năm 2021*: Quý II (tháng 4, 5, 6) năm 2021 điều tra thử nghiệm giá sản xuất NLTS theo năm gốc 2020 bằng thiết bị điện tử thông minh tại 63 tỉnh, thành phố và điều tra song song với điều tra giá sản xuất NLTS giai đoạn 2015-2020. Từ tháng 7 năm 2021 điều tra chính thức theo phương án này.

- *Từ năm 2022 trở đi hàng năm thực hiện*:

Điều tra viên rà soát, cập nhật đơn vị điều tra, danh mục sản phẩm NLTS (kèm hình ảnh) và hoàn thiện mạng lưới điều tra giá sản xuất NLTS; thực hiện các công việc khác liên quan đến rà soát, cập nhật mạng lưới điều tra giá sản xuất NLTS gửi Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

b) Tập huấn nghiệp vụ cấp tỉnh

Cục Thống kê tổ chức tập huấn phương án mới cho các giám sát viên, điều tra viên trong Quý I năm 2021. Nội dung tập huấn cần nêu rõ các khái niệm, phương pháp thu thập thông tin, kỹ năng điều tra trên thiết bị điện tử thông minh.

Hàng năm, Cục Thống kê tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các giám sát viên, điều tra viên để bổ sung nghiệp vụ kịp thời cho giám sát viên, điều tra viên nhất là giám sát viên, điều tra viên mới, đồng thời nhận ý kiến đóng góp phản hồi từ cơ sở nhằm hoàn thiện mạng lưới điều tra và tổ chức điều tra giá sản xuất NLTS cho năm tiếp theo.

c) Tiến hành điều tra thu thập giá, tổng hợp chỉ số giá sản xuất NLTS

Từ tháng 7 năm 2021, 63 Cục Thống kê tổ chức điều tra giá sản xuất NLTS và tổng hợp chỉ số giá sản xuất NLTS năm gốc 2020 của địa phương theo quy định trong Phương án này.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp Trung ương

a) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê phối hợp Vụ Thống kê Giá, Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia, Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê xây dựng Phương án điều tra, thiết kế phiếu điều tra và xây dựng các văn bản liên quan; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ; chỉ đạo triển khai, kiểm tra, giám sát; tổng hợp, phân tích đề Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê công bố kết quả điều tra.

b) Vụ Thống kê Giá chủ trì và phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê hàng năm tính quyền số chỉ số giá sản xuất NLTS của 63 tỉnh, thành phố, các vùng kinh tế và cả nước, cụ thể từ tháng 7 đến tháng 8 hàng năm (*từ năm 2023 trở đi*) Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản cung cấp số liệu (chính thức) giá trị sản xuất NLTS năm $(y - 2)$ và số liệu (sơ bộ) giá trị sản xuất NLTS năm $(y - 1)$ cho Vụ Thống kê Giá, để làm căn cứ biên soạn quyền số tính chỉ số giá sản xuất NLTS.

c) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê chủ trì và phối hợp Vụ Thống kê Giá, thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Cục trưởng Cục Thống kê lập kế hoạch và thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát đặc biệt là khâu thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin; phối hợp Vụ Thống kê Giá xây dựng kế hoạch xử lý thông tin của cuộc điều tra trong Kế hoạch công nghệ thông tin hàng năm của Tổng cục Thống kê và hàng năm rà soát, cập nhật phần mềm điều tra bằng thiết bị thông minh và phần mềm giám sát giá sản xuất NLTS theo đúng quy định, chi tiết tại *Phụ lục IV*.

d) Vụ Kế hoạch tài chính chủ trì và phối hợp với Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê dự toán kinh phí hàng năm cho cuộc điều tra giá sản xuất NLTS; hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định;

e) Văn phòng Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm in, phân phối các tài liệu hướng dẫn (kể cả bài giảng điện tử hướng dẫn dùng cho điều tra viên và giám sát viên) phục vụ tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ tại Trung ương;

g) Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê phối hợp với Vụ Thống kê Giá, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin tiến hành kiểm tra, thanh tra cuộc điều tra trên phạm vi cả nước theo đúng quy định, đồng thời hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra để các Cục Thống kê tổ chức kiểm tra, thanh tra thực hiện phương án điều tra.

2. Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Cục trưởng Cục Thống kê trực tiếp chỉ đạo Phòng Thu thập Thông tin thống kê là đơn vị chủ trì, phối hợp với Phòng Thống kê Kinh tế và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện tập huấn, hoàn thiện kỹ năng cho điều tra viên; điều tra thu thập giá; kiểm tra và thanh tra; xử lý, tổng hợp và gửi báo cáo về Tổng cục Thống kê theo thời gian quy định.

Điều tra viên chịu trách nhiệm về thời gian và độ chính xác của thông tin ghi trên phiếu điều tra. Điều tra viên tham gia đầy đủ các buổi tập huấn nghiệp vụ do Cục Thống kê tổ chức, nắm vững nghiệp vụ điều tra, thực hiện thu thập giá trực tiếp tại đơn vị điều tra.

Phòng Thu thập Thông tin thống kê là đơn vị chủ trì cuộc điều tra tại địa phương có trách nhiệm phối hợp với Phòng Thống kê Kinh tế và các đơn vị liên quan giúp Cục trưởng Cục Thống kê tổ chức tập huấn; chỉ đạo triển khai, kiểm tra, giám sát điều tra ở các đơn vị điều tra; xử lý kết quả điều tra, tổng hợp, phân tích, trực tiếp gửi báo cáo về Tổng cục Thống kê.

X. KINH PHÍ

Kinh phí của điều tra giá sản xuất NLTS năm gốc 2020 từ nguồn ngân sách Nhà nước đảm bảo cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, các hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và các văn bản hiện hành.

Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện theo đúng các quy định tại Phương án điều tra, quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm hiệu quả, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được cấp để thực hiện tốt cuộc điều tra theo phương án quy định./.